

CÔNG TY CỔ PHẦN FILCO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FILCO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FILCO VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109199873

3. Ngày thành lập: 28/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 171/28 Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, nước và vật liệu xây dựng;	4663(Chính)
2.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại cửa, tủ gỗ, khung nhôm kính, trần, vách thạch cao; Sản xuất vật tư, thiết bị nước;	3290
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt các loại cửa, tủ gỗ, khung nhôm kính, trần, vách thạch cao;	4329
4.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - San lấp mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn và các hoạt động tương tự)	4312
5.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xử lý nền móng công trình; - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,	4390
6.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Lắp đặt điện cho các công trình; - Mạng máy tính và dây cáp truyền hình	4321
7.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội, ngoại thất;	7410
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Hoàn thiện các công trình xây dựng;	4330

9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: - Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các công trình xây dựng, thiết bị máy móc;	3312
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ nâng, cầu;	5229
11.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê vật tư, thiết bị điện, nước và vật liệu xây dựng;	7730
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt nước cho các công trình; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: - Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như: + Nhà cho một hộ gia đình, + Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng. - Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.	4101
15.	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: - Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như: + Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp... + Bệnh viện, trường học, nhà làm việc, + Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, + Nhà ga hàng không, + Khu thể thao trong nhà, + Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm, + Kho chứa hàng, + Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng. - Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;	4102
16.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Xây dựng công trình điện	4221
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
21.	Xây dựng công trình thủy	4291
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

24.	Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.	4311
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng quy định tại Điều 155 của Luật Xây dựng năm 2014; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định tại Điều 156 Luật xây dựng 2014; - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 70 Luật xây dựng 2014; - Quản lý chất lượng thi công xây dựng quy định tại Điều 23 Nghị định 46/2015/NĐ – CP - Kiểm định công trình xây dựng quy định tại Điều 50 Nghị định 59/2015/NĐ – CP - Khảo sát xây dựng quy định tại Điều 153 Luật Xây dựng 2014 - Thi công xây dựng công trình quy định tại Điều 157 Luật Xây dựng 2014; - Thiết kế quy hoạch xây dựng quy định tại Khoản 7 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP; - Giám sát công tác xây dựng: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Quy định tại Khoản 9 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP - Thẩm tra thiết kế xây dựng quy định tại Khoản 28 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP; - Kiểm định xây dựng quy định tại: Khoản 10 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP; - Tư vấn quản lý dự án quy định tại Khoản 30 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP	7110
26.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: – Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; – Bán buôn phần mềm.	4651

28.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: – Máy vi tính; – Thiết bị ngoại vi máy vi tính; – Bộ điều khiển trò chơi video; – Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video; – Thiết bị viễn thông.	4741
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Kinh doanh thiết bị văn phòng, đồ dùng văn phòng phẩm, thiết bị giáo dục, đồ học sinh;	4649

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC HÀ	Khu Công Bình, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	125809185	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		

2	ĐỖ ĐỨC NGHĨA	Thôn Dinh, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	034054004744
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000	
3	TRẦN THỊ CÚC	Thôn Dinh, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	034160006128
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ ĐỨC NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1954

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034054004744

Ngày cấp: 19/04/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dinh, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dinh, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội